BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2025/TT-BTP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

THÔNG TƯ
Sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi một số thủ tục hành chính quy định tại các thông tư trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp.

Điều 1. Sửa đổi Thông tư số 11/2020/TT-BTP quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thẻ giám định viên tư pháp cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi thông tin ghi trên thẻ mà không làm thay đổi lĩnh vực giám định thì giữ nguyên số thẻ đã được cấp.

Trường hợp thay đổi thông tin ghi trên thẻ làm thay đổi lĩnh vực giám định thì thẻ được cấp lại và đánh số mới theo quy định tại Điều 4 Thông tư này".

2. Sửa đổi các mẫu giấy tờ sau đây tại khoản 1 Điều 9:

a) Quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (áp dụng cho trường hợp bổ nhiệm giám định viên tư pháp từ ngày 01/01/2021 tại địa phương) (Mẫu số 3 - sđ).

b) Quyết định cấp thẻ giám định viên tư pháp (áp dụng cho trường hợp giám định viên tư pháp bổ nhiệm trước ngày 01/01/2021 tại địa phương) (Mẫu số 5 - sđ).

c) Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp (Mẫu số 6 - sđ).

d) Quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp (áp dụng tại địa phương) (Mẫu số 8 - sđ).

(Kèm theo các mẫu giấy tờ được sửa đổi).

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 như sau:

Mã số bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc cấp thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện như sau:

a) Mã số tỉnh, thành phố

Mã số tỉnh, thành phố áp dụng theo mã số các đơn vị hành chính cấp tỉnh được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

b) Mã số bộ, cơ quan ngang bộ

Mã số	**Bộ/cơ quan ngang bộ**		**Mã số**	**Bộ/cơ quan ngang bộ**
64	Bộ Công an		77	Bộ Y tế
65	Bộ Ngoại giao		78	Bộ Khoa học và Công nghệ
66	Bộ Tư pháp		79	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
67	Bộ Tài chính		80	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
68	Bộ Công Thương		81	Thanh tra Chính phủ
71	Bộ Xây dựng		82	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
73	Bộ Giáo dục và Đào tạo		83	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
76	Bộ Nội vụ		84	Bộ Quốc phòng

Điều 2. Sửa đổi Thông tư số 01/2010/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP về tư vấn pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2011/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP, Thông tư số 03/2008/TT-BTP và Thông tư số 01/2010/TT-BTP

1. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 6 như sau:

"2. Hồ sơ đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 77/2008/NĐ-CP gồm các giấy tờ sau đây:

a) Đơn đăng ký hoạt động theo mẫu;

b) Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Chi nhánh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Chi nhánh có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh; trong trường hợp từ chối, phải thông báo lý do bằng văn bản cho người làm đơn".

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 7 như sau:

"2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung thay đổi nêu trên vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm, Chi nhánh và gửi lại Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm, Chi nhánh sau khi đã hoàn tất thủ tục".

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật.

Quyết định thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật được gửi cho Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh, tổ chức chủ quản, Bộ Tư pháp và các cơ quan quản lý nhà nước về lao động, thuế."

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 như sau:

"2. Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật cho Sở Tư pháp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật cho người có yêu cầu."

Điều 3. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 05/2021/TT-BTP hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

"2. Người đã hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài muốn được công nhận ở Việt Nam thì nộp hồ sơ đến Sở Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài;

b) Bản sao Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài; giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Giấy tờ quy định tại điểm b khoản này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật và được dịch ra tiếng Việt; bản dịch tiếng Việt được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam".

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

"Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài, trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do".

Điều 4. Sửa đổi khoản 2 Điều 23 của Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP

"2. Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch có liên quan đến tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc giấy tờ thay thế được pháp luật quy định và xuất trình bản chính để đối chiếu; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.

Không yêu cầu người yêu cầu chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch nộp bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (giai đoạn đầu áp dụng đối với đất ở) và xuất trình bản chính để đối chiếu theo quy định tại khoản này khi cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin về giấy tờ này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Trong thời hạn chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch, cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra, tra cứu thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (giai đoạn đầu áp dụng đối với đất ở) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực hoàn thiện hồ sơ, nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất".

Điều 5. Bổ sung khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 05/2025/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng

"4. Không yêu cầu người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi Sở Tư pháp khai thác được thông tin về giấy tờ này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Trong thời hạn bổ nhiệm công chứng viên, Sở Tư pháp kiểm tra, tra cứu thông tin về giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Trường hợp Sở Tư pháp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên hoàn thiện hồ sơ, nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội".

Điều 6. Nộp và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính sau đây có thể nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính:

a) Thủ tục hành chính quy định tại Điều 1, 2, 3, 4 và Điều 5 của Thông tư này;

b) Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 19/2024/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

2. Cơ quan có thẩm quyền trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy và văn bản điện tử. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trước ngày Thông tư này có hiệu lực, thủ tục hành chính được thực hiện như sau:

a) Đối với hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 của Thông tư này đã được nộp đến cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 11/2020/TT-BTP.

b) Đối với hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 2 của Thông tư này đã được nộp đến cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 01/2010/TT-BTP, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2011/TT-BTP.

c) Đối với hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 3 của Thông tư này đã được nộp đến cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và Thông tư số 05/2021/TT-BTP.

d) Đối với hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 4 của Thông tư này đã được nộp đến cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

đ) Đối với hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 5 của Thông tư này đã được nộp đến cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 05/2025/TT-BTP.

e) Đối với hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 19/2024/TT-BTP.

3. Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan khác thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Cổng Pháp luật quốc gia;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu